

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ Y TẾ, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Bình)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
<b>I. Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm</b>							
1.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	<p>Trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với hồ sơ đạt và thẩm định điều kiện cơ sở đạt.</p> <p>- Trong thời hạn 85 ngày làm việc đối với hồ sơ cần sửa đổi bổ sung và thẩm định không đạt điều kiện để cấp Giấy.</p>	Bộ phận một cửa của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		<p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000đ/lần/cơ sở. + Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000đ/lần/cơ sở.</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000đ/lần/cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000đ/lần/cơ sở</p>	X	<p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>

2.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		1.500.000đ/lần/sản phẩm	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ y tế;</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> </ul>
3.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		500.000đ/lần/sản phẩm	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ y tế;</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> </ul>
4.	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		1.200.000đ/lần/sản phẩm	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ y tế;</li> <li>Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> </ul>

## II. Lĩnh vực Trang thiết bị y tế

5.	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000đ/1 hồ sơ	X	- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28/02/2019 của Bộ Y tế; - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính
6.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại A: 1.000.000đồng/1 hồ sơ	X	- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28/02/2019 của Bộ Y tế; - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính
7.	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		-Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000đồng/1 hồ sơ	X	- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28/02/2019 của Bộ Y tế; - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

8.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28/02/2019 của Bộ Y tế;
9.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28/02/2019 của Bộ Y tế;

### III. Lĩnh vực Dược phẩm

10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở; - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		- Thẩm định điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000đ/hồ sơ - Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề dược đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ/cơ sở	X	-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ
-----	--	--	-----------------------------	--	---	---	---

					- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ/cơ sở.		Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm;
11.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		500.000 VNĐ/hồ sơ	X	-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính

12.	Cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề được	05 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>
13.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>

14.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>
15.	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở;</li> <li>- 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảm định điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000đ/hồ sơ</li> <li>- Thảm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề dược đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ/cơ sở</li> <li>- Thảm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đối với cơ sở bán lẻ tại các</li> </ul>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

	xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)				địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ/cơ sở.		
16.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở;</li> <li>- 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000đ/hồ sơ</li> <li>- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề dược đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ</li> <li>- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ</li> </ul>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>



17.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 15 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị mất, hư hỏng.</li> <li>- 07 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>
18.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc,	15 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>

	tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)						
19.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở tổ chức bán lẻ thuốc lưu động	Bộ phận một cửa của Sở Y tế			Không	X - Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;
20.	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	20 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế			Không	X -Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;

	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>
21.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>

22.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>
23.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		1.600.000/hồ sơ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

24.	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	07 (bảy) ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		100.000đ/hồ sơ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
25.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở.</li> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở.</li> </ul>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ - Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

26.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất; thuốc phóng xạ	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở.</li> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở.</li> </ul>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
27.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở.</li> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở.</li> </ul>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>

	tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực;						- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
28.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở. - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở.	X	-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế. - Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế; - Quyết định số 5359/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ Y tế; - Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

29.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất;	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5359/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ Y tế;</li> </ul>
30.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực;	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>



31.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> </ul>
32.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài.</li> </ul>

33.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất;	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài.</li> </ul>
34.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul>

	độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực;						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài.</li> </ul>
35.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài.</li> </ul>

36.	<p>Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại;</p>	<p>30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ</p>	<p>Bộ phận một cửa của Sở Y tế</p>		<p>Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài.</li> </ul>
-----	--	--	------------------------------------	--	--	----------	---

37.	<p>Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục</p>	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài.</li> </ul>
-----	--	---	-----------------------------	--	---	---	---

	chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục đích thương mại;						
38.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn phân phối GDP: 4.00.000đ/cơ sở	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>Quyết định số 5359/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính .</li> </ul>

39.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh (phân phối) thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất;	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<p>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</p> <p>-Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</p>
40.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất	30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<p>-Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ .</p> <p>-Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;</p>

	trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực;						
41.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	-Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ . -Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế. - Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế;

#### IV. Lĩnh vực Mỹ phẩm

42.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ công bố hợp lệ và phí công bố theo quy định (đối với trường hợp cấp số	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		500.000 đồng/mặt hàng.	X	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;
-----	---	--	-----------------------------	--	------------------------	---	--



		tiếp nhận); - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ công bố và phí công bố theo quy định (đối với trường hợp chưa cấp số tiếp nhận).					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế.</li> </ul>
43.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		6.000.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy;</li> <li>- Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> </ul>

44.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không quy định	X	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;
45.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không quy định	X	- Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4708/QĐ-BYT ngày 31/8/2016 của Bộ Y tế.

#### V. Lĩnh vực Khám bệnh chữa bệnh

46.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		4.300.000đ	X	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế; - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
-----	---	---	-----------------------------	--	------------	---	---

47.	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		2.500.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
48.	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		2.500.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

49.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</li> <li>- 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		360.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>
50.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		10.500.000 đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>

51.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		5.700.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>
52.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		4.300.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>

53.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		5.700.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>
54.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không có	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>

55.	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II	<p>1. Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên đơn lẻ: cơ sở khám sức khỏe thuyền viên trả Giấy khám sức khỏe thuyền viên, Sổ khám sức khỏe thuyền viên trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe thuyền viên, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám sức khỏe thuyền viên;</p> <p>2. Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên tập thể theo hợp đồng: cơ sở khám sức khỏe thuyền viên trả Giấy khám sức khỏe thuyền viên, Sổ khám</p>	Các cơ sở khám chữa bệnh		Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế ;</li> <li>- Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Quyết định số 5921/QĐ-BYT ngày 28/9/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/ bãi bỏ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh;</li> </ul>
-----	---	---	--------------------------	--	--	---

		sức khỏe thuyền viên định kỳ cho người được khám sức khỏe thuyền viên theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.					
56.	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		360.000đ/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>



57.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ</li> <li>- 180 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		360.000đ/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
58.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		360.000đ/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> </ul>

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
59.	<p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ</li> <li>- 180 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp</li> </ul>	<p>Bộ phận một cửa của Sở Y tế</p>		150.000 đồng/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

60.	<p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.</p>	<p>- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - 180 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp</p>	<p>Bộ phận một cửa của Sở Y tế</p>		<p>360.000 đồng/lần.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
61.	<p>Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập</p>	<p>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>Bộ phận một cửa của Sở Y tế</p>		<p>10.500.000 đồng/lần.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> </ul>

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
62.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		5.700.000 đồng/lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

63.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		3.100.000 đồng/lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
64.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/lần.</li> <li>- Phòng khám đa khoa; nhà hộ sinh; bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình): 5.700.000 đồng/lần.</li> </ul>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> </ul>

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
65.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		1.500.000 đồng/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

66.	<p>Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế</p>	<p>Trong thời hạn 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	<p>Bộ phận một cửa của Sở Y tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/lần.</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình): 5.700.000 đồng/lần.</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng, Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/lần.</li> </ul>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
-----	---	---	------------------------------------	---	----------	---

67.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		1.500.000 đồng/lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
68.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền	Trong thời hạn 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		1.500.000 đồng/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> </ul>



							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
69.	<p>Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính</p>	<p>Trong thời hạn 75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận một cửa của Sở Y tế</p>		<p>10.500.000 đồng/lần</p>		<p>Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</li> <li>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực giám định y khoa;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

70.	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính		Không	<p>Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>
71.	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính		Không	<p>Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>
72.	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính		Không	<p>Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>

73.	Cấp Giấy chứng nhận là Lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		2.500.000 đồng/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4677/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>
74.	Cấp Giấy chứng nhận là Lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		2.500.000 đồng/lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4677/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>

75.	Cấp giấy chứng nhận là Lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		2.500.000 đồng/lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4677/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>
76.	Cấp giấy chứng nhận là Lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		2.500.000 đồng/lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4677/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>

77.	Cấp lại Giấy chứng nhận là Lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4677/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
78.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
79.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không có	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>

80.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
81.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ trong trường hợp Giấy phép hoạt động mất, hỏng, rách	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>

82.	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
83.	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>

84.	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	<p>- Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>- Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.</p>	Các cơ sở khám chữa bệnh		Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 /5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ;</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
-----	--	---	--------------------------	--	---	--	--



85.	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	<p>- Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.</p>	Các cơ sở khám chữa bệnh		Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 /5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ;</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
-----	--	---	--------------------------	--	---	--

86.	Cấp giấy khám sức khỏe cho người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	<p>- Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>- Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.</p>	Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn		Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<p>-</p> <p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</p> <p>- Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012;</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 /5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ;</p> <p>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>
-----	---	---	---------------------------------------	--	---	--

87.	Khám sức khỏe định kỳ	Theo thỏa thuận trong hợp đồng.	Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn		Theo hợp đồng ký kết		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 /5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ;</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
88.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009</li> <li>- Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/của Bộ Y tế.</li> </ul>
89.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động, khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn kỹ thuật thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009</li> <li>- Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/của Bộ Y tế.</li> </ul>

90.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đảo ngày 03/6/2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
91.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đảo ngày 03/6/2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>

92.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ ngày 03/6/2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
93.	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ ngày 03/6/2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>

94.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12; - Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ; - Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế; - Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế. - Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế. - Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
95.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12; - Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ; - Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế; - Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
96.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</li> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>

97.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>X</p> <p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <p>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>
98.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>X</p> <p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <p>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</p>



						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
99.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>X</li> <li>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</li> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> </ul>

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
100.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</li> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>

101.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</li> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
------	---	---	-----------------------------	--	-------	---	---

102.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</li> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
------	--	---	-----------------------------	--	-------	---

103.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <p>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>
------	---	---	-----------------------------	--	-------	--

104.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
------	--	---	-----------------------------	--	-------	---

105.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
------	---	---	-----------------------------	--	-------	---	---

106.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
------	---	---	-----------------------------	--	-------	---	---



107.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>
------	---	---	-----------------------------	--	-------	---	---

108.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;</p> <p>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>
109.	Cấp giấy khám sức khỏe cho người lái xe	1. Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ	Các cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện		Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<p>Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế;</p> <p>5. Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BLĐT BXH ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải.</p>

		<p>những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>2. Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.</p>				<p>- Quyết định số 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>
110.	Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Các cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện		Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<p>Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế;</p> <p>5. Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>- Quyết định số 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>

111.	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BLĐT BXH ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>- Quyết định số 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>
------	--	---	-----------------------------	--	-------	---

## VI. Lĩnh vực Y tế dự phòng

112.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Cơ sở được thực hiện hoạt động tiêm chủng sau khi đã thực hiện việc công bố đủ điều kiện tiêm chủng	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007;</li> <li>- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 433/QĐ-BYT ngày 31/01/2019 của Bộ Y tế.</li> </ul>
------	---------------------------------------	---	-----------------------------	--	-------	---

113.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007;</li> <li>- Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 433/QĐ-BYT ngày 31/01/2019 của Bộ Y tế.</li> </ul>
114.	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiên cứu chất dạng thuốc phiện	05 ngày làm việc, tính từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 5014/QĐ-BYT ngày 24/10/2019 của Bộ Y tế.</li> </ul>

115.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014</li> <li>- Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4361/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế.</li> </ul>
------	---	---	-----------------------------	--	-------	---	--

116.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014</li> <li>- Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4361/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế.</li> </ul>
•	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014</li> <li>- Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.</li> </ul>

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4361/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế.</li> </ul>
117.	<p>Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng</p>	<p>Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện</p>	<p>Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</p>			Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>
118.	<p>Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người có tiền sử nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng</p>	<p>Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của đối tượng quản lý</p>	<p>Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện</p>			Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>



119.	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>
120.	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>
121.	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>

122.	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	05 ngày làm việc, tính từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>
123.	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	05 ngày làm việc, tính từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>
124.	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc, tính từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>

125.	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	05 ngày làm việc, tính từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>
126.	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007</li> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 1273/QĐ-BYT ngày 04/04/2017 của Bộ Y tế.</li> </ul>

127.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;</li> <li>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;</li> <li>- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 4508/QĐ-BYT ngày 22/8/2016 của Bộ Y tế</li> </ul>
------	--	----------------------------	-----------------------------	--	-------	---

128.	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;</li> <li>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;</li> <li>- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 4508/QĐ-BYT ngày 22/8/2016 của Bộ Y tế</li> </ul>
------	--	----------------------------	-----------------------------	--	-------	---

129.	Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
130.	Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Cơ quan đầu mối quản lý về y tế của các Bộ, ngành	10 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
131.	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015. - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Quyết định số 7540/QĐ-BYT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

132.	Công bố cơ sở y tế đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 7540/QĐ-BYT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul>
133.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;</li> <li>- Quyết định số 120/2008/QĐ - TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/của Bộ Y tế.</li> </ul>

134.	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	<p>X</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;</li> <li>- Quyết định số 120/2008/QĐ - TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/của Bộ Y tế.</li> </ul>
135.	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	17 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<p>X</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế - Bộ Công an.</li> <li>- Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>



136.	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế</li> <li>- Bộ Công an.</li> <li>- Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
137.	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế</li> <li>- Bộ Công an.</li> <li>- Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>

138.	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh.	Bộ phận một cửa của Trung tâm kiểm soát bệnh tật		Thu theo Danh mục IV của Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.</li> <li>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài.</li> <li>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul>
139.	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với một phương tiện vận tải không quá 02 giờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận tải không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 02 giờ. Trường hợp quá thời gian kiểm tra nhưng chưa hoàn thành công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch y tế, trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Trung tâm kiểm soát bệnh tật		Thu theo Danh mục IX, của Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.</li> <li>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài.</li> <li>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul>

	<p>phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</li><li>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Không quá 06 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc diện phải xử lý y tế.</li><li>+ Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột.</li><li>+ Trước khi hết thời gian quy định 15 phút</li></ul></li></ul>					
--	--	--	--	--	--	--

		<p>mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 04 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>				
140.	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10</li> </ul>	<p>Bộ phận một cửa của Trung tâm kiểm soát bệnh tật</p>		<p>Thu theo Danh mục VI, X, của Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.</li> <li>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài.</li> <li>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul>

		<p>tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>					
141.	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt	<p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một thi thể hoặc</p>	Bộ phận một cửa của Trung tâm kiểm soát bệnh tật		Thu theo Danh mục V của Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	X	<p>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài.</p>

		<p>một hải cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một thi thể hoặc một hải cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>				<p>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p>
--	--	---	--	--	--	---

142.	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ</li> </ul>	Bộ phận một cửa của Trung tâm kiểm soát bệnh tật		Thu theo Danh mục V của Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.</li> <li>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài.</li> <li>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul>
------	---	--	--	--	--	--

		chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.				
--	--	---	--	--	--	--

## VII. Lĩnh vực Giám định Y khoa

143.	Khám Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</li> <li>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Siêu âm 2D: 150.000</li> <li>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</li> <li>+ Chụp phim X-quang: 165.000</li> <li>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy</li> </ul>
------	---	--	---	---	---



				<p>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</p> <p>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</p> <p>+ Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, αFP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK: 153.000</p>	<p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</p>
--	--	--	--	--	--

				<p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, porphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
--	--	--	--	---	--

144.	Khám Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</li> <li>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Siêu âm 2D: 150.000</li> <li>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</li> <li>+ Chụp phim X-quang: 165.000</li> <li>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</li> <li>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</li> <li>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</li> <li>+ Các xét nghiệm khác:</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</li> </ul>
------	--	--	---	---	---

				<p>Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK: 153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, porphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Đề phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
145.	Khám Giám định để thực hiện chế độ tử tuất	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	<p>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</p> <p>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định):</p> <p>+ Siêu âm 2D: 150.000</p> <p>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</p> <p>+ Chụp phim X-quang: 165.000</p> <p>+ Chụp CT Scanner:</p>	<p>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</p> <p>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy</p>

				<p>1.102.000</p> <p>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</p> <p>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</p> <p>+ Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK:</p>	<p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</p>
--	--	--	--	---	--

				<p>153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, phorphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
--	--	--	--	---	--

146.	Khám Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</li> <li>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Siêu âm 2D: 150.000</li> <li>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</li> <li>+ Chụp phim X-quang: 165.000</li> <li>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</li> <li>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</li> <li>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axit Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</li> <li>+ Các xét nghiệm khác:</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</li> </ul>
------	---	--	---	---	---



				<p>Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK: 153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, porphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp</p>	
--	--	--	--	---	--

					<p>ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Đề phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
147.	<p>Khám Giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai</p>	<p>Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định</p>	<p>Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh</p>		<p>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</p> <p>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định):</p> <p>+ Siêu âm 2D: 150.000</p> <p>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</p> <p>+ Chụp phim X-quang: 165.000</p> <p>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</p>	<p>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</p> <p>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu,</p>

				<p>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</p> <p>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</p> <p>+ Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK:</p>	<p>nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</p>
--	--	--	--	--	--

				<p>153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, phorphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
--	--	--	--	---	--

148.	Khám Giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</li> <li>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Siêu âm 2D: 150.000</li> <li>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</li> <li>+ Chụp phim X-quang: 165.000</li> <li>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</li> <li>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</li> <li>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axit Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</li> <li>+ Các xét nghiệm khác:</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</li> </ul>
------	---	--	---	---	---

				<p>Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK: 153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, porphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp</p>	
--	--	--	--	---	--

					<p>ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Đề phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
149.	Khám Giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		<p>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</p> <p>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định):</p> <p>+ Siêu âm 2D: 150.000</p> <p>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</p> <p>+ Chụp phim X-quang: 165.000</p> <p>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</p>	<p>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</p> <p>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu,</p>

				<p>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</p> <p>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</p> <p>+ Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK:</p>	<p>nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</p>
--	--	--	--	--	--



				<p>153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, phorphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
--	--	--	--	---	--

150.	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</li> <li>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Siêu âm 2D: 150.000</li> <li>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</li> <li>+ Chụp phim X-quang: 165.000</li> <li>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</li> <li>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</li> <li>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</li> <li>+ Các xét nghiệm khác:</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</li> </ul>
------	--	--	---	---	---

				<p>Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK: 153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, porphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp</p>	
--	--	--	--	---	--

					<p>ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Đề phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
151.	Khám giám định tổng hợp	Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế và Thông tư 56/2017/TT-BYT không quy định	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		<p>- Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa: 1.150.000</p> <p>- Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa (khi chỉ định):</p> <p>+ Siêu âm 2D: 150.000</p> <p>+ Ghi điện tâm đồ: 13.5.000</p> <p>+ Chụp phim X-quang: 165.000</p> <p>+ Chụp CT Scanner: 1.102.000</p>	<p>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</p> <p>- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 93/2012/TT-BTC ngày 05/6/2012 quy định mức thu, chế độ thu,</p>

				<p>+ Chụp cộng hưởng từ (MRI): 1.702.000</p> <p>+ Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axít Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số: 135.000</p> <p>+ Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, <math>\alpha</math>FP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK:</p>	<p>nộp, quản lý và sử dụng phí Giám định y khoa.</p>
--	--	--	--	--	--

				<p>153.000</p> <p>+ Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, phorphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào: 200.000</p> <p>+ Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): 500.000</p> <p>- Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám.</p>	
--	--	--	--	---	--

152.	<p>Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng</p>	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội</li> <li>-Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;</li> <li>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</li> <li>- Quyết định số 784/QĐ-BYT ngày 08/3/2017 của Bộ Y tế.</li> </ul>
153.	<p>Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều</p>	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội</li> <li>-Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày</li> </ul>

	38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng					16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 784/QĐ-BYT ngày 08/3/2017 của Bộ Y tế.
154.	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện	40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	-Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội -Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;



						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Liên Bộ Y tế</li> <li>- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</li> <li>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>
155.	<p>Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện</p>	<p>40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh</p>		<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội</li> <li>-Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;</li> <li>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Liên Bộ Y tế</li> <li>- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</li> <li>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</li> </ul>

156.	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<p>-Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội</p> <p>-Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;</p> <p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</p> <p>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>
------	--	--	---	--	-------	---

157.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<p>-Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội</p> <p>-Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;</p> <p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</p> <p>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>
------	--	--	---	--	-------	---

158.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<p>-Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội</p> <p>-Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;</p> <p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</p> <p>- Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.</p>
------	---	---	---	--	-------	---

159.	Khám Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không		- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; . Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế
160.	Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không		- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; . Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế
161.	Khám Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không		- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; . Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế

162.	Khám Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;</li> <li>. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế</li> </ul>
163.	Khám Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;</li> <li>. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế</li> </ul>

164.	Khám Giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh đã ban hành biên bản khám giám định	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;</li> <li>. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế</li> </ul>
165.	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;</li> <li>. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/01/2015 của Bộ Y tế</li> </ul>

### VIII. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ - Đào tạo

166.	Thủ tục Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế	X	Không.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật giám định tư pháp</li> <li>- Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4648/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế</li> </ul>
167.	Thủ tục Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế	X	Không.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật giám định tư pháp</li> <li>- Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 4648/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế</li> </ul>
168.	Thủ tục Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của Sở Y tế		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 5125/QĐ-BYT ngày 10/11/2017 của Bộ Y tế;</li> </ul>



## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
<b>I. Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm</b>							
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của ngành y tế.	<p>Trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với hồ sơ đạt và thẩm định điều kiện cơ sở đạt.</p> <p>- Trong thời hạn 85 ngày làm việc đối với hồ sơ cần sửa đổi bổ sung và thẩm định không đạt điều kiện để cấp Giấy.</p>	UBND cấp huyện		<p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:</p> <p>+ Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000đ/lần/cơ sở.</p> <p>+ Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000đ/lần/cơ sở.</p>	X	<p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày về việc phân cấp quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;</p> <p>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
<b>I. Lĩnh vực Dân số kế hoạch hóa gia đình</b>							
1	Thủ tục Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp xã		Không.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bình đẳng giới năm 2006.</li> <li>- Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 792/QĐ-BYT ngày 04/3/2019 của Bộ Y tế</li> </ul>
2	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh (chưa bao gồm thời gian xác minh-nếu có).</p> <p>Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không được quá 05 ngày làm việc.</p>	Trạm y tế tuyến xã.		Không		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> <li>- Quyết định số 5975/QĐ-BYT ngày 26/12/2019 của Bộ Y tế</li> </ul>

